

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

### 1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có sứ mệnh đào tạo Bác sỹ, Kỹ thuật Y học (Kỹ thuật Hình ảnh y học, Xét nghiệm Y học, Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng) và Điều dưỡng ở trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Nhà trường cam kết tạo cho người học một môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, minh bạch, văn hoá và có tính chuyên nghiệp cao. Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và khả năng học tập suốt đời. Hợp tác, phát triển về đào tạo, nghiên cứu và thực hành với các cơ sở, theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế.

Phát huy thế mạnh của Trường về đào tạo các ngành kỹ thuật y học, Điều dưỡng, Y đa khoa cam kết cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt chuẩn, đảm bảo nhanh chóng, tiện lợi và an toàn cho mọi người dân và cộng đồng.

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Trụ sở: Số 01 Vũ Hựu – Phường Thanh Bình

Thành phố Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

Website: <http://www.hmtu.edu.vn>

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy	GDTX	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I				
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III				
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V				
Nhóm ngành VI	2023 ĐH	780		
Nhóm ngành VII				
<b>Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)</b>	2023 ĐH	780		

### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (xét tuyển từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI Tổ hợp: Sinh, Toán, Hóa (B00)						
- Ngành 1: Y đa khoa	50	53	25	50	61	24
- Ngành 2: Xét nghiệm y học	130	128	22.75	120	107	22.5
- Ngành 3: Kỹ thuật hình ảnh y học	70	72	22.5	120	88	21
- Ngành 4: Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	50	49	22.25	80	78	21
- Ngành 5: Điều dưỡng	220	215	22.5	250	218	21
<b>Tổng</b>	<b>520</b>	<b>517</b>	<b>X</b>	<b>620</b>	<b>552</b>	<b>X</b>

## 2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong toàn quốc

2.3. Phương thức tuyển sinh: Trường áp dụng theo quy định của Luật giáo dục đại học quy định đó là: Xét tuyển kết quả thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017.

#### 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

<b>Ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
<b>Hệ đại học</b>		<b>900</b>
1. Y đa khoa (6 năm)	52720101	50
2. Xét nghiệm y học (4 năm)	52720332	200
3. Kỹ thuật hình ảnh y học (4 năm)	52720330	180
4. Điều dưỡng (4 năm)	52720501	350
5. Phục hồi chức năng (4 năm)	52720503	120

#### 2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

Tốt nghiệp THPT.

Tham gia kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017. Đã đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển Đại học.

Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD-ĐT

#### 2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Mã trường : DKY

Tổ hợp xét tuyển: B00

+ Bài thi Toán

+ Môn thi Sinh, Môn thi Hóa của bài thi Khoa học tự nhiên

#### 2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Xét tuyển kết quả thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017 theo lịch chung của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên: Theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí xét tuyển: Theo quy định chung

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm; ( Theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021)

*Thực hiện theo lộ trình tăng học phí của Nhà nước*

*Năm 2017 – 2018: 1.070.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm*

*Năm 2018 – 2019: 1.180.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm*

*Năm 2019 – 2020: 1.300.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm*

*Năm 2020 – 2021: 1.430.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm*

### 3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

#### 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

##### 3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 9.89 ha

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 34648 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 1160

##### 3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1.	Phòng thực hành Sinh học Di truyền	Kính hiển vi quang học
2.	Phòng thực hành Giải phẫu 1,2,3	Các mô hình giải phẫu (mô hình xương, cơ, khớp, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh, giác quan), tranh giải phẫu, máy chiếu projector
3.	Phòng thực hành Giải phẫu 3 D	Máy tính cài phần mềm trình chiếu 3D, Kính 3D, máy chiếu projector
4.	Phòng thực hành Xác	Xác người
5.	Phòng thực hành Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi, tiêu bản giải phẫu bệnh, máy chiếu projector
6.	Labo Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi, máy cắt bệnh phẩm, Tủ hóa chất, ...
7.	Phòng thực hành Mô	Kính hiển vi, tiêu bản Mô, máy chiếu projector
8.	Phòng thực hành Sinh lý – Sinh lý bệnh	Bộ dụng cụ mổ thỏ, mổ ếch, tủ đựng dụng cụ, các thiết bị phục vụ thực hành sinh lý máu,.....
9.	Phòng thực hành Xquang (Xương khớp 1)	Máy X quang Shimadzu
10.	Phòng thực hành Xquang (Xương khớp 2)	Máy X quang tăng sáng truyền hình Shimadzu
11.	Phòng thực hành chụp XQ (Sinh dục tiết niệu, chụp vú)	Máy chụp vú Mamography
12.	Phòng thực hành Xquang tiêu hóa	Máy X quang tổng hợp
13.	Phòng thực hành đo mật độ loãng xương	Máy X quang đo mật độ xương
14.	Phòng thực hành chụp xquang mô phỏng 1	Máy X Quang 300
15.	Phòng thực hành chụp xquang mô phỏng 2	Máy X Quang Gerenal

16.	Phòng thực hành chụp XQ hàm mặt , răng ( chụp Panoma)	Máy chụp răng toàn cảnh SIRONA
17.	Phòng thực hành chụp CLVT đa dãy( 16 dãy)	Máy chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner )
18.	Phòng thực hành siêu âm 1	Máy Siêu âm Voluson P8
19.	Phòng thực hành siêu âm 2	Máy siêu âm Voluson S8
20.	Phòng thực hành siêu âm 3	Máy siêu âm ALOKA 3500
21.	Phòng thực hành siêu âm 4	Máy siêu âm ALOKA 4000
22.	Phòng thực hành siêu âm 5	Máy siêu âm ALOKA 15000
23.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 1	Ròng rọc, giàn tập, thanh song song, đèn hồng ngoại, tạ tập, mô hình giải phẫu, giường tập, các dụng cụ tập luyện vận động
24.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 2	Máy điều trị từ trường, máy kéo giãn cột sống cổ, thắt lưng, giường tập, xe lăn, tạ tập, các dụng cụ tập luyện vận động
25.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 3	Máy điều trị sóng ngắn, máy siêu âm, máy điện phân – điện xung, giường tập, tạ tập, xe lăn, các dụng cụ tập luyện hoạt động trị liệu
26.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 4	Máy điều trị laser, máy điện trường cao áp, đèn tử ngoại, giường tập, ghế tập, các dụng cụ tập luyện ngôn ngữ trị liệu
27.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 5	Giường tập, ghế tập, xe lăn, nạng, gậy, khung tập đi.
28.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 6	Giường tập, ghế tập, xe lăn, nạng, gậy, khung tập đi.
29.	Phòng thực hành đa năng 1 : Thực hành điều dưỡng cơ bản	Giường, cáng, xe tiêm, phương tiện băng cố định bất động xương, mô hình chăm sóc, máy theo dõi máy điện tim...máy hút, bơm tiêm điện... mô hình thực hiện các thủ thuật điều dưỡng cơ bản và chăm sóc đa năng : nội ngoại, sản, nhi, mô hình cấp cứu ban đầu

30.	Phòng thực hành đa năng 2 : Thực hành điều dưỡng cơ bản	Giường, cang, xe tiêm, phương tiện băng cố định bất động xương, mô hình chăm sóc, máy theo dõi Monitor, máy điện tim, máy hút, bơm tiêm điện... mô hình thực hiện các thủ thuật điều dưỡng cơ bản và chăm sóc đa năng: nội, ngoại, sản, nhi, mô hình cấp cứu ban đầu.
31.	Phòng thực hành đa năng 3: Thăm khám, chăm sóc và thủ thuật	Giường đa năng, Projector, mô hình thăm khám, mô hình thực hiện các thủ thuật: chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi, màng tim..., các mô hình chăm sóc đa năng: nội ngoại, sản, nhi
32.	Phòng thực hành đa năng 4: Thăm khám, chăm sóc và thủ thuật	Giường đa năng, Projector, mô hình thăm khám, mô hình thực hiện các thủ thuật: chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi, màng tim,... các mô hình chăm sóc đa năng : nội, ngoại, sản, nhi
33.	Phòng thực hành đa năng 5: Thăm khám, chăm sóc và thủ thuật	Giường đa năng, Projector, mô hình thăm khám, mô hình thực hiện các thủ thuật: chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi, ....các mô hình chăm sóc đa năng : nội, ngoại, sản, nhi.
34.	Phòng thực hành giao tiếp:	Giường, bàn, camera, máy quay và truyền thông tin...
35.	Phòng thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn	Lab rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa, máy hấp ước, máy sấy khô...
36.	Phòng thực hành gây mê hồi sức	Máy gây mê, máy thở, máy monitor, bơm tiêm điện, bàn mổ, đèn mổ, mô hình đặt ống NKQ, mô hình đặt mask thanh quản, máy hút, máy tạo ôxy, mô hình chọc dò tủy sống, mô hình chọc dò đám rối TKCT... các phương tiện dụng cụ cho phẫu thuật

37.	Phòng ICU	Giường đa năng, máy theo dõi monitor, máy thở, bơm tiêm điện, máy hút, máy truyền dịch, mô hình chăm sóc toàn diện...
38.	Phòng mô phỏng sản nhi	Các mô hình mô phỏng chăm sóc sản nhi và các trang thiết bị đi kèm
39.	Phòng thăm khám và chăm sóc đa năng	Giường đa năng, các mô hình chăm sóc và thăm khám toàn diện: người lớn, người già, trẻ em, trẻ sơ sinh, sản phụ...
40.	Phòng mô phỏng thăm khám toàn diện người lớn	Mô hình mô phỏng và các trang thiết bị đi kèm, mô hình nghe tim phổi mô phỏng
41.	Phòng thực hành phẫu thuật thực hành	Giường đa năng, projector, bàn mổ súc vật, các bộ dụng cụ phẫu thuật, mô hình khâu vết thương.
42.	Phòng thực hành Hóa	Máy đo pH để bàn Hanna, Cân điện tử, Bếp cách thủy, Buret các loại.
43.	Phòng thực hành Lý sinh	Kính hiển vi điện tử
44.	Phòng thực hành Tin học	Máy tính, Máy in, Máy chiếu projector, Switch ...
45.	Phòng thực hành tiếng	Máy tính, Tai nghe, Phần mềm
46.	Phòng thực hành Răng hàm mặt	Bộ dụng cụ khám Răng, Bộ dụng cụ hàn răng, Bộ dụng cụ nhổ răng, Bộ dụng cụ điều trị tủy, Máy khoan di động, Mẫu hàm, nôi hấp.
47.	Labo Dinh dưỡng – Tiết chế	Đo lớp mỡ dưới da, Máy đo nồng độ Gluco, Lò vi sóng, Máy sấy bát đĩa, Tủ lạnh, Nồi cơm điện, Máy sấy hoa quả, Máy ép hoa quả, Bếp ga, bình ga, cân, xoong, nôi, chảo ....
48.	Phòng thực hành sức khỏe môi trường – sức khỏe nghề nghiệp.	Máy đo ánh sáng, Máy đo độ ồn, Máy đo tốc độ gió, Thiết bị xét nghiệm nhanh nước thải và nước sinh hoạt, Máy đo độ bụi, Máy đo hơi khí độc.
49.	Phòng thực hành tế bào mô bệnh học	Máy cắt lạnh, máy đúc bệnh phẩm, kính hiển vi kết nối màn hình,...

50.	Phòng thực hành Sinh học phân tử	Tủ hood Safehood 75, Máy lắc Analog VortexMixer, Máy đồng nhất mẫu PT Polytron 1200E. Máy ủ nhiệt khô Block heater - SBH 130D, Máy ly tâm 80 - 2A, Máy ly tâm lạnh, Hệ thống máy Realtime PCR Eppendorf , Máy PCR Biozad, Máy chụp gel Biozad, hệ thống điện di Biozad, Máy khuấy từ gia nhiệt
51.	Labo Xét nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm	Các loại cân, Các loại tủ lạnh (tủ âm sâu), Máy làm đá vảy, Các loại máy li tâm, máy nghiền mẫu, máy đo PH, máy lắc, máy khuấy từ gia nhiệt, máy phân tích nước, máy đo độ nhớt cơ, máy lọc nước, Máy điện di mật độ kế, máy chuyển hóa năng nung, máy cất nước, máy phá mẫu bằng vi sóng, máy cô mẫu, tủ nuôi cấy, Hệ thống quang phổ hấp thụ, hệ thống hấp thụ nguyên tử ...
52.	Phòng thực hành Huyết học Truyền máu 1,2,3	Máy đếm tế bào tự động, Máy đếm bán tự động, Máy định danh nhóm máu, Máy đông máu tự động, bán tự động; Máy đo tốc độ máu lắng, Kính hiển vi kết nối màn hình, kính hiển vi thường, máy li tâm, tủ ấm, nồi cách thủy, máy lắc tiểu cầu, tủ trữ máu,...
53.	Phòng thực hành Hóa sinh 1,2,3	Máy hóa sinh tự động và bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu, máy phân tích khí máu, tủ lạnh, máy cất nước, ...
54.	Phòng thực hành Vi sinh 1,2,3	Tủ an toàn sinh học, tủ nuôi cấy vi sinh, nồi hấp, tủ ấm, tủ sấy, tủ Clean Beach, Kính hiển vi thường và KHV kết nối màn hình,...
55.	Phòng thực hành Ký sinh trùng 1,2,3	Tủ ấm, tủ sấy, tủ nuôi cấy, nồi hấp tiệt trùng, kính hiển vi kết nối màn hình,...



- Bệnh viện thực hành chính :
  - Bệnh viện trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
  - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương
  - Bệnh viện 7 – Quân khu 3
  - Các bệnh viện chuyên khoa:
    - Bệnh viện Phụ Sản – Tỉnh Hải Dương
    - Bệnh viện Nhi – Tỉnh Hải Dương
    - Bệnh viện Điều dưỡng – Phục hồi chức năng tỉnh Hải Dương
    - Bệnh viện Y học cổ truyền– Tỉnh Hải Dương
    - Bệnh viện Lao và Bệnh phổi– Tỉnh Hải Dương
    - Bệnh viện Tâm thần– Tỉnh Hải Dương
    - Bệnh viện Mắt – Tỉnh Hải Dương
  - Trung tâm phòng chống HIV – AIDS – Tỉnh Hải Dương
  - Trung tâm Y học dự phòng tỉnh Hải Dương
  - Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương
  - Các bệnh viện tuyến Huyện -Tỉnh Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa Thành phố Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa Hòa Bình
    - Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lộc - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Chí Linh - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Ninh Giang - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Kim Thành - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Miện - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Kinh Môn - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Tứ Kỳ - Hải Dương
    - Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Hà – Hải Dương
- Cơ sở thực tế tốt nghiệp
  - Tuyến trung ương:
    - Bệnh viện Hữu nghị
    - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
    - Bệnh viện Bạch Mai
    - Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Thụy Điển Uông Bí
    - Bệnh viện E
    - Bệnh viện K
    - Bệnh viện Lao và bệnh phổi Trung ương
    - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
    - Bệnh viện 198 – Bộ Công An
    - Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Sầm sơn

- Tuyển tỉnh – thành phố
  - Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp – Hải Phòng
  - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên
  - Bệnh viện đa khoa Phố Nối – Hưng Yên
  - Bệnh viện Xanh Pon – Hà Nội
  - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
  - Viện Phục hồi chức năng Hà Nội
- Tuyển Quận, Huyện
  - Bệnh viện Đống Đa - Hà Nội
  - Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lộc - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Chí Linh - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Ninh Giang - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Kim Thành - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Miện - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Kinh Môn - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Tứ Kỳ - Hải Dương
  - Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Hà – Hải Dương

### 3.1.2. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02
	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	03
	Phòng học từ 50-100 chỗ	32
	Số phòng học dưới 50 chỗ	08
	Số phòng học đa phương tiện	06

### 3.1.3. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành I	
	Nhóm ngành II	
	Nhóm ngành III	
	Nhóm ngành IV	
	Nhóm ngành V	
	Nhóm ngành VI	54.406 quyển
	Nhóm ngành VII	

### 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

STT		Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
	<b>Nhóm ngành VI</b>						
1.	Nguyễn Mai Anh			x			
2.	Nguyễn Tuấn Anh			x			
3.	Nguyễn Tuấn Anh			x			
4.	Trần Ngọc Anh			x			
5.	Vũ Thị Lan Anh			x			
6.	Nguyễn Thị Ánh			x			
7.	Vũ Thị Ánh			x			
8.	Hoàng Thị Bắc			x			
9.	Nguyễn Thị Bắc				x		
10.	Dương Văn Bằng			x			
11.	Trần Văn Biên				x		
12.	Nguyễn Dương Cẩm				x		
13.	Trần Quang Cảnh					x	
14.	Nguyễn Hà Châm			x			
15.	Vũ Thị Sao Chi				x		
16.	Hà Thị Chinh			x			
17.	Nguyễn Thị Chinh				x		
18.	Vũ Đình Chính	x				x	
19.	Vũ Đức Chính			x			
20.	Lê Văn Công			x			
21.	Nguyễn T. Phương Cúc			x			
22.	Nguyễn Quang Cường			x			
23.	Vũ Công Danh				x		
24.	Ngô Quỳnh Diệp				x		
25.	Trần Thị Dinh				x		
26.	Phạm Thị Dịu			x			
27.	Phùng Văn Dự				x		
28.	Đào Thị Phương Dung				x		
29.	Lê Thùy Dung			x			

30.	Nguyễn Thị Mai Dung			x			
31.	Vũ Thùy Dung			x			
32.	Nguyễn Đình Dũng				x		
33.	Trần Việt Dũng			x			
34.	Đặng Thị Thùy Dương			x			
35.	Hà Quốc Dương				x		
36.	Lê Đắc Dương			x			
37.	Nguyễn Thái Hà Dương			x			
38.	Nguyễn Văn Dương			x			
39.	Trần Thùy Dương				x		
40.	Vương Thị Duyên			x			
41.	Đỗ Thị Hải Đăng				x		
42.	Chu Văn Đăng				x		
43.	Đàm Văn Đạt			x			
44.	Đặng Tiến Đạt				x		
45.	Nguyễn Quốc Đạt			x			
46.	Vũ Đức Đạt			x			
47.	Nguyễn Văn Đô			x			
48.	Trần Quang Đông			x			
49.	Trịnh Văn Đông				x		
50.	Hà Văn Đức			x			
51.	Nguyễn Thị Giang			x			
52.	Đặng Thị Hương Hà				x		
53.	Đặng Thị Thu Hà				x		
54.	Lê Thị Hà			x			
55.	Lương Thị Thu Hà			x			
56.	Vũ Thị Hải Hà			x			
57.	Nguyễn T. Thanh Hải				x		
58.	Vũ Thị Hải				x		
59.	Vũ Thị Hân			x			
60.	Đỗ Văn Hằng			x			
61.	Đặng Thúy Hằng			x			

62.	Đinh Thị Diệu Hằng					x	
63.	Hoàng Thị Hằng			x			
64.	Lê Thị Thúy Hằng			x			
65.	Nguyễn T. Thu Hằng			x			
66.	Nguyễn Thị Hằng			x			
67.	Nguyễn Thị Hằng			x			
68.	Vũ Thị Hằng			x			
69.	Đặng Tuyết Hạnh			x			
70.	Phạm Thị Hạnh				x		
71.	Lê Phi Hào				x		
72.	Nguyễn Thị Hào			x			
73.	Bùi Thị Hậu			x			
74.	Hoàng Thị Hậu			x			
75.	Vũ Thị Hậu			x			
76.	Mai Đức Hệ				x		
77.	Đỗ Thị Thu Hiền				x		
78.	Hoàng Thị Thu Hiền				x		
79.	Ngô Thị Hiền			x			
80.	Nguyễn Thị Thu Hiền				x		
81.	Nguyễn Thị Thu Hiền			x			
82.	Trần Thị Hiền			x			
83.	Vũ Thị Hiền			x			
84.	Nguyễn Đình Hiệp			x			
85.	Vũ Xuân Hiệu			x			
86.	Đinh Thị Hoa				x		
87.	Nguyễn Thị Hoa			x			
88.	Nguyễn Thị Hoa			x			
89.	Nguyễn Thị Thanh Hoa				x		
90.	Đặng Thị Thanh Hòa			x			
91.	Nguyễn Thị Hòa			x			
92.	Trần Thanh Hòa				x		
93.	Ngụy Đình Hoàn				x		

94.	Đỗ Văn Hoãn			x			
95.	Nguyễn Đức Hoàng				x		
96.	Nguyễn Đức Hoàng			x			
97.	Nguyễn Huy Hoàng				x		
98.	Phạm Thị Hồng				x		
99.	Nguyễn Đức Huân				x		
100.	Vũ Thị Huê			x			
101.	Đỗ Thị Huế			x			
102.	Nguyễn Thị Huế			x			
103.	Vũ Thị Huế			x			
104.	Hoàng Thị Huệ			x			
105.	Nguyễn Thị Huệ			x			
106.	Lê Mạnh Hùng				x		
107.	Nguyễn Xuân Hùng			x			
108.	Hoàng Văn Hưng			x			
109.	Ngô Bá Hưng			x			
110.	Nguyễn Kiều Hưng			x			
111.	Phạm Thị Cẩm Hưng				x		
112.	Phạm Văn Hưng			x			
113.	Đặng Thị Thanh Hương			x			
114.	Đoàn Thu Hương			x			
115.	Lê Thị Cẩm Hương			x			
116.	Lê Thị Mỹ Hương				x		
117.	Nguyễn T. Thanh Hương				x		
118.	Nguyễn Thị Hương				x		
119.	Trương Thị Thu Hương				x		
120.	Lê Thúy Hường					x	
121.	Nguyễn Thị Thúy Hường			x			
122.	Tăng Thị Hường			x			
123.	Trần Thị Thu Hường				x		
124.	Trần Quang Hữu			x			
125.	Lê Quang Huy			x			

126.	Nguyễn Thị Huyền			x			
127.	Đỗ Thị Huyền			x			
128.	Hoàng T. Thu Huyền				x		
129.	Nguyễn Thị Huyền			x			
130.	Nguyễn Công Khẩn		x			x	
131.	Phùng Thế Khang			x			
132.	Nguyễn Duy Khánh			x			
133.	Trần Danh Khởi				x		
134.	Nguyễn Văn Khởi				x		
135.	Ngô Minh Khuê			x			
136.	Thái Duy Kiên			x			
137.	Luân Quang Kỳ			x			
138.	Nguyễn Đình Kỳ			x			
139.	Đình Thị Lan			x			
140.	Khúc Kim Lan				x		
141.	Nguyễn Hằng Lan					x	
142.	Ngô Văn Lãng			x			
143.	Nguyễn Thị Kiều Liên				x		
144.	Phương Thị Kim Liên			x			
145.	Nguyễn Thùy Linh			x			
146.	Phạm Thị Thùy Linh				x		
147.	Vũ Thị Linh			x			
148.	Bùi Thị Loan				x		
149.	Nguyễn Thị Thanh Loan				x		
150.	Phạm Thị Mai Loan			x			
151.	Vũ Thị Loan			x			
152.	Trần Xuân Lộc			x			
153.	Nguyễn Thành Long			x			
154.	Nguyễn Thành Luân			x			
155.	Phạm Thị Luyện			x			
156.	Phùng Thị Luyện				x		
157.	Vũ Thị Hồng Lý				x		

158.	Lê Ngọc Mai			x			
159.	Nguyễn Thị Mai				x		
160.	Nguyễn Thị Mai				x		
161.	Nguyễn Thị Thanh Mai				x		
162.	Nguyễn Văn Mạnh			x			
163.	Phạm Văn Mạnh			x			
164.	Trần Văn Minh			x			
165.	Nguyễn Văn Nam				x		
166.	Bùi Thị Nga			x			
167.	Luyện Thị Thanh Nga			x			
168.	Nguyễn Thị Nga				x		
169.	Nguyễn Thị Nga				x		
170.	Nguyễn Thị Nga				x		
171.	Vũ Thị Thanh Nga				x		
172.	Nguyễn T. Tuyết Ngân			x			
173.	Vũ Thị Kim Ngân			x			
174.	Cù Huy Nghĩa			x			
175.	Vũ Thị Phương Ngoan				x		
176.	Lương Thị Ngọc			x			
177.	Nguyễn Minh Ngọc			x			
178.	Đỗ Thị Phương Nguyên				x		
179.	Mạc Văn Nguyên			x			
180.	Tạ Thị Nguyên			x			
181.	Lê Xuân Nguyên			x			
182.	Nguyễn Minh Nguyệt			x			
183.	Vũ Duy Nhân				x		
184.	Nguyễn Thị Thanh Nhân				x		
185.	Phạm Thị Nhẹ			x			
186.	Phạm Thị Thùy Như				x		
187.	Nguyễn Huyền Nhung			x			
188.	Nguyễn T. Hồng Nhung				x		
189.	Nguyễn T. Hồng Nhung				x		



190.	Nguyễn Thị Nhung				x		
191.	Phạm Thị Nhuyên	x				x	
192.	Nguyễn Hải Niên				x		
193.	Tăng Thị Kỳ Ninh			x			
194.	Đỗ Thị Kim Oanh				x		
195.	Khúc Thị Oanh			x			
196.	Nguyễn Thị Oanh			x			
197.	Phạm T. Thanh Phương				x		
198.	Trần Tuấn Phương				x		
199.	Vũ Bá Việt Phương			x			
200.	Đào Thị Phương				x		
201.	Đoàn Thị Phương				x		
202.	Lê Thị Kim Phương			x			
203.	Nguyễn Văn Quang			x			
204.	Lại Ngọc Quý				x		
205.	Nguyễn T. Hồng Quyên			x			
206.	Vũ Thị Quyên			x			
207.	Đỗ Tiến Sơn			x			
208.	Phạm Minh Sơn				x		
209.	Phạm Thanh Sơn			x			
210.	Diêm Hảo Tâm				x		
211.	Trần Thị Minh Tâm					x	
212.	Nguyễn Thị Tân			x			
213.	Nguyễn Văn Tăng					x	
214.	Phạm Thị Thắm				x		
215.	Nguyễn Văn Thắng				x		
216.	Nguyễn Tất Thắng			x			
217.	Nguyễn Văn Thanh			x		BSCKII	
218.	Phạm Thị Phương Thanh			x			
219.	Ninh Vũ Thành				x		
220.	Phạm Xuân Thành					x	
221.	Vũ Đăng Thành			x			

222.	Vũ Văn Thành			x			
223.	Lê Thị Thảo			x			
224.	Mạc Thị Thảo				x		
225.	Ngô Thị Thảo				x		
226.	Nguyễn Thị Phương Thảo			x			
227.	Phùng Thị Khánh Thảo			x			
228.	Trần Thị Bích Thảo				x		
229.	Lê Huy Thế			x			
230.	Lê Văn Thêm					x	
231.	Phạm Hữu Thiên			x			
232.	Nguyễn Đình Thiệp			x			
233.	Lê Văn Thiết			x			
234.	Bùi Thị Thông			x			
235.	Chu Thị Minh Thu			x			
236.	Hoàng Thị Thu			x			
237.	Lê Văn Thu			x			
238.	Nguyễn T. Minh Thu					x	
239.	Trương Thị Thu			x			
240.	Bùi Quang Thuận				x		
241.	Lê Đức Thuận					x	
242.	Đàm Văn Thương			x			
243.	Đàm Thị Thúy			x			
244.	Đoàn Thị Thúy			x			
245.	Hoàng Thị Thúy			x			
246.	Nguyễn Thị Hồng Thúy				x		
247.	Đàm Thị Thùy			x			
248.	Bùi Thị Thu Thủy			x			
249.	Nghiêm Thị Thu Thủy			x			
250.	Nguyễn Thanh Thủy				x		
251.	Phạm Thị Ngọc Thủy			x			
252.	Phạm Thị Thanh Thủy				x		
253.	Phạm Thị Thu Thủy			x	<i>BSCKI</i>		

254.	Phạm Thị Thủy			x			
255.	Đỗ Trọng Tiến			x			
256.	Vũ Việt Tiên				x		
257.	Bùi Thị Tĩnh			x			
258.	Trần Quốc Toàn					x	
259.	Lê Thị Thanh Trà				x		
260.	Đông Minh Sơn Huyền Trang				x		
261.	Hà Thị Thu Trang			x			
262.	Hoàng Quỳnh Trang				x		
263.	Hoàng Thị Trang				x		
264.	Nguyễn T. Huyền Trang			x			
265.	Nguyễn T. Thu Trang			x			
266.	Nguyễn Thị Thu Trang			x			
267.	Trần Thị Trang			x			
268.	Vũ Thị Trang			x			
269.	Lê Quang Trung				x		
270.	Nguyễn Hải Trung				x		
271.	Nguyễn Văn Trung			x			
272.	Nguyễn Văn Trung			x			
273.	Phạm Văn Trường				x		
274.	Dương Văn Tú			x			
275.	Nguyễn Khắc Tú			x			
276.	Hoàng Văn Tuấn			x			
277.	Hoàng Mạnh Tuấn			x			
278.	Nguyễn Khắc Tuấn			x			
279.	Phạm Minh Tuệ			x			
280.	Nguyễn Thị Thu Tươi			x			
281.	Nguyễn Thị Tươi			x			
282.	Vũ Đình Tuyên				x		
283.	Cao Văn Tuyên			x			
284.	Nguyễn Xuân Tuyên			x			
285.	Nguyễn Thị Tuyết				x		

286.	Phan Thị Tuyết			x			
287.	Nguyễn Thị Hải Vân			x			
288.	Vũ Thị Hải Vân			x			
289.	Vũ Thị Vân			x			
290.	Phạm Thị Vấn			x			
291.	Thân Văn Việt			x			
292.	Trần Văn Việt	x				x	
293.	Lê Văn Vinh			x			
294.	Nguyễn Xuân Vinh			x			
295.	Phạm Thị Xưa			x			
296.	Trần Thị Xuân				x		
297.	Phạm Thị Xuyên				x		
298.	Đinh Thị Xuyên					x	
299.	Đặng Thị Yên			x			
300.	Lại Thị Yên			x			
301.	Lê Thị Yên			x			
302.	Lương Thị Hải Yên			x			
	<b>Tổng giảng viên toàn trường (302)</b>	03	01	187	99	16	

Hải Dương, Ngày 27 tháng 02 năm 2017  
HIỆU TRƯỞNG



**TS.Đinh Thị Diệu Hằng**